

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5532 /SGDDĐT-GDTrH

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 9 năm 2023

V/v triển khai văn bản hướng dẫn
thực hiện nhiệm vụ năm học 2023 - 2024
đối với giáo dục dân tộc

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
ĐẾN	Số: 2080
	Ngày: 28.9.23
	Chuyển:
Hồ Sơ:	

Kính gửi:

Klq: - Lãnh đạo

- Tổ Tỉ H, hồ THCS

- HT các trường Tỉ H, THCS

28/9/2023

PTP

[Signature]

Phạm Minh Thiện

- Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Thủ Đức và quận, huyện;
- Hiệu trưởng các trường THPT, trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp THPT;
- Giám đốc Trung tâm GDTX, Trung tâm GDNN-GDTX;
- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở.

Căn cứ văn bản số 4891/BGDDĐT-GDDT ngày 08 tháng 9 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2023 - 2024 đối với giáo dục dân tộc.

Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai văn bản trên đến các cơ sở giáo dục, đề nghị Hiệu trưởng, Thủ trưởng các đơn vị nghiên cứu và triển khai thực hiện (đính kèm nội dung văn bản số 4891/BGDDĐT-GDDT)./. *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc “đề báo cáo”;
- Ban dân tộc “phối hợp”;
- Lưu: VT, GDTrH.

KT. GIÁM ĐỐC
HỒ GIÁM ĐỐC



[Signature]
Nguyễn Bảo Quốc

Số: 4891 /BGDDT-GDDT
V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm
học 2023-2024 đối với giáo dục dân tộc

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2023

Kính gửi:

- Các Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Các trường dự bị đại học;
- Trường Hữu Nghị 80, Trường Hữu Nghị T78, Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn các sở GDĐT; các trường dự bị đại học; Trường Hữu Nghị 80, Trường Hữu Nghị T78, Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 đối với giáo dục dân tộc (GDDT) như sau:

A. NHIỆM VỤ CHUNG

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương của Đảng, Quốc hội và Nhà nước về đổi mới và phát triển giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi¹ (DTTS, MN). Ưu tiên nguồn lực để đầu tư kiên cố hóa trường lớp ở vùng đặc biệt khó khăn; nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; thực hiện tốt chính sách đối với người dạy, người học, cơ sở giáo dục vùng DTTS, MN; tập trung triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông 2018 phù hợp với vùng đồng bào DTTS, MN; tăng cường các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng giáo dục vùng DTTS, MN, đặc biệt trong các trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT), trường phổ thông dân tộc bán trú (PTDTBT) và các trường dự bị đại học; bảo tồn và phát triển tiếng nói, chữ viết của DTTS; quan tâm giáo dục văn hóa dân tộc cho học sinh vùng DTTS, MN; đổi mới và tăng cường công tác quản lý GDDT, công tác thông tin, truyền thông về GDDT.

B. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

I. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC VÙNG DTTS, MN

1. Rà soát, sắp xếp mạng lưới trường lớp, duy trì số lượng và nâng cao chất lượng giáo dục trẻ em, học sinh DTTS ở các cấp học

1- Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15/02/2020 của Chính phủ về triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 841/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030; Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 17/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án vận động nguồn lực xã hội hỗ trợ trẻ em các xã đặc biệt khó khăn thuộc vùng DTTS và MN giai đoạn 2019-2025.

1.1. Tiếp tục rà soát, sắp xếp mạng lưới, tổ chức lại các cơ sở giáo dục vùng DTTS, MN, nhất là các trường PTDTNT, PTDTBT, trường phổ thông có tổ chức ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú phù hợp với quy hoạch và điều kiện thực tế của địa phương². Việc sắp xếp phải đảm bảo nguyên tắc có lộ trình cụ thể, hợp lý, thuận lợi cho việc học tập của học sinh, gắn với các điều kiện đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục mầm non, phổ thông.

1.2. Thực hiện các giải pháp nhằm tăng tỷ lệ huy động trẻ em, học sinh DTTS ở các cấp học, bậc học từ mầm non đến phổ thông đi học đúng độ tuổi; tăng tỷ lệ trẻ em DTTS 5 tuổi đi học mẫu giáo, tỷ lệ học sinh DTTS hoàn thành cấp tiểu học, cấp trung học cơ sở; giảm tỉ lệ học sinh bỏ học, nghỉ học; duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục các cấp học nhằm hoàn thành các mục tiêu phát triển bền vững đối với đồng bào DTTS lĩnh vực GDĐT.

1.3. Tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác kiểm định, đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục của các cơ sở giáo dục ở địa phương, từ đó có các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục các cấp học vùng DTTS, MN.

1.4. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục vùng DTTS, MN đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS, MN giai đoạn 2021- 2030 để kiên cố hóa trường lớp, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học cho các cơ sở giáo dục vùng DTTS, MN, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đặc biệt là các trường PTDTNT, PTDTBT, trường phổ thông có tổ chức ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú. Tiếp tục rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở vật chất trường, lớp, công trình và lập kế hoạch đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa để đảm bảo an toàn cho học sinh và giáo viên, đặc biệt chú ý đối với các trường ở khu vực có nguy cơ sạt lở đất, gần sông suối; chủ động ứng phó thiên tai, mưa lũ, bão lớn.

2. Nâng cao chất lượng giáo dục của trường PTDTNT, trường PTDTBT

2.1. Công tác tuyển sinh vào trường PTDTNT

Thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác tuyển sinh, đảm bảo tuyển chọn những học sinh ưu tú của các DTTS vào học trường PTDTNT theo quy định hiện hành³.

² Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục (sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 135/2018/NĐ-CP); Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06/02/2023 của Bộ GDĐT ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTBT; Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ GDĐT ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường PTDTNT.

³ Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú; Chỉ thị số 733/CT-BGDĐT ngày 10/5/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về

2.2. Nâng cao chất lượng dạy và học

a) Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

- Tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh, phù hợp đối tượng học sinh DTTS. Đổi mới kiểm tra, đánh giá gắn với lộ trình thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới⁴.

- Tổ chức khảo sát, phân loại năng lực học tập của học sinh ngay từ đầu năm học để xây dựng kế hoạch dạy học, phụ đạo, bồi dưỡng phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, đúng đối tượng học sinh.

b) Tổ chức các hoạt động giáo dục đặc thù

- Tăng cường giáo dục nâng cao nhận thức cho học sinh về chủ trương, đường lối, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, về bản sắc văn hóa và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc Việt Nam. Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền và phổ biến giáo dục pháp luật cho học sinh.

- Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1898/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng DTTS giai đoạn 2018-2025” đảm bảo mục tiêu 100% các trường, lớp bán trú và dân tộc nội trú được tuyên truyền kỹ năng sống, về giới và bình đẳng giới với nội dung và thời lượng phù hợp với lứa tuổi. Chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống, giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh thông qua các hoạt động giáo dục; thực hiện hiệu quả công tác tư vấn tâm lý, công tác xã hội cho học sinh; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và địa phương trong quản lý, giáo dục học sinh, đặc biệt quan tâm đến đối tượng học sinh bán trú nhỏ tuổi sớm xa gia đình; tăng cường an ninh, an toàn trường học.

- Tổ chức tốt hoạt động lao động sản xuất cải thiện điều kiện ăn, ở, học tập của học sinh. Xây dựng văn hóa ứng xử trong trường học, chú trọng giáo dục học sinh tinh thần tương thân tương ái, đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập và sinh hoạt; ý thức bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc, xây dựng nếp sống văn minh, giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường, tham gia tuyên truyền trong gia đình, cộng đồng về xóa bỏ các hủ tục (tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, bắt vợ,...).

- Tổ chức tốt công tác quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và hoạt động tự học của học sinh. Công tác nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh phải đảm bảo dinh dưỡng, an toàn vệ sinh thực phẩm theo đúng quy định. Chủ động phối hợp với các cơ sở y tế của địa phương chăm sóc sức khỏe cho học sinh, tích cực phòng ngừa và ứng phó với dịch bệnh và các tình huống bất thường khác.

việc chấn chỉnh thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy khi thực hiện TTHC, dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục; Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

⁴ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông.

- Khuyến khích triển khai mô hình giáo dục nhà trường gắn với thực tiễn sản xuất kinh doanh của địa phương; tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trang bị kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, lập nghiệp cho học sinh trong các trường PTDTNT cấp THPT; huy động các nguồn lực tài chính và các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ các hoạt động dạy học/giáo dục trong nhà trường theo hướng lý thuyết gắn với thực hành và thực tiễn.

- Phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn để đào tạo và công nhận kỹ năng nghề cho học sinh. Tiếp tục tổ chức tốt các hoạt động giáo dục hướng nghiệp - dạy nghề truyền thống phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Nâng cao chất lượng giáo dục các trường dự bị đại học, Trường phổ thông Vùng cao Việt Bắc, Trường Hữu Nghị T78, Trường Hữu Nghị 80

3.1. Công tác tuyển sinh

Tuyển sinh dự bị đại học theo quy định tại Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GDĐT ban hành Quy chế tuyển sinh, bồi dưỡng dự bị đại học; xét chuyển vào học trình độ đại học, trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non đối với học sinh dự bị đại học và Đề án tuyển sinh đã được Bộ GDĐT phê duyệt. Tuyển sinh học sinh phổ thông dân tộc nội trú theo quy định tại Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23/02/2023 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú và Kế hoạch tuyển sinh đã được Bộ GDĐT phê duyệt. Thực hiện nghiêm túc chỉ thị số 733/CT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc chấn chỉnh thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục. Không yêu cầu thí sinh xuất trình các loại giấy tờ chứng minh thông tin về cư trú trong hồ sơ tuyển sinh. Đơn vị tổ chức tuyển sinh tra cứu thông tin lịch sử cư trú của thí sinh trên cơ sở dữ liệu ngành theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, đảm bảo tuyển sinh đúng đối tượng.

3.2. Thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục

- Các trường dự bị đại học, Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc tổ chức bồi dưỡng, xét chuyển học sinh dự bị đại học theo quy định tại Thông tư số 44/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 và Thông tư số 48/2012/TT-BGDĐT ngày 11/12/2012 của Bộ GDĐT; tiếp cận Chương trình giáo dục phổ thông 2018 để xây dựng các hoạt động giáo dục, rèn luyện sức khỏe cho học sinh dự bị đại học phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tiễn của nhà trường.

- Trường Hữu Nghị T78, Trường Hữu Nghị 80, Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 theo hướng dẫn của Bộ GDĐT và Sở GDĐT nơi trường đặt trụ sở; tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh dân tộc nội trú của nhà trường theo quy chế tổ chức và hoạt động hiện hành của trường PTDTNT.

- Trường Hữu Nghị T78, Trường Hữu Nghị 80 căn cứ Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài ban hành theo Thông tư số 17/2015/TT-

BGDĐT ngày 01/9/2015 của Bộ GDĐT để xây dựng chương trình, học liệu, tổ chức dạy học tiếng Việt cho lưu học sinh; căn cứ Thông tư số 27/2021/TT-BGDĐT ngày 7/10/2021 ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài để tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt cho lưu học sinh hoặc phối hợp với cơ sở giáo dục đủ điều kiện được tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Việt cho lưu học sinh; căn cứ Thông tư số 30/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ GDĐT để quản lý lưu học sinh của nhà trường.

4. Dạy học tiếng dân tộc thiểu số

a) Thực hiện việc dạy tiếng dân tộc thiểu số trong trường phổ thông

Tiếp tục triển khai dạy học tiếng DTTS trong các trường phổ thông và trung tâm giáo dục thường xuyên theo Nghị định số 82/2010/NĐ-CP ngày 15/7/2010 của Chính phủ và Thông tư số 32/2021/TT-BGDĐT ngày 21/11/2021 của Bộ GDĐT, phù hợp với nhu cầu và thực tiễn của địa phương.

- Thực hiện dạy học các tiếng Bahnar, Chăm, Êđê, Khmer, Jrai, Mnông, Mông, Thái lớp 1, lớp 2, lớp 3 theo hướng dẫn của Bộ GDĐT⁵.

- Ngoài 8 chương trình, sách giáo khoa tiếng DTTS đã ban hành, đối với các địa phương có nhiều người DTTS sinh sống, Sở GDĐT cần chủ động, tích cực tham mưu với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc xây dựng kế hoạch, đề án dạy học tiếng DTTS và thực hiện thủ tục đưa tiếng DTTS có đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh vào dạy học trong trường phổ thông theo quy định.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan hữu quan như Ban Dân tộc, Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch, Đài Phát thanh và Truyền hình, các báo địa phương để xây dựng các ấn phẩm sách, báo bằng tiếng nói, chữ viết DTTS nhằm cung cấp thêm tài liệu tham khảo cho giáo viên và học sinh trong dạy và học tiếng DTTS ở trường phổ thông.

b) Triển khai Chương trình "Nâng cao chất lượng các môn học tiếng dân tộc thiểu số trong chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 - 2030"⁶

- Các địa phương rà soát đội ngũ giáo viên dạy tiếng DTTS, phối hợp với các trường đại học có phương án thực hiện đào tạo, bồi dưỡng giáo viên tiếng DTTS đáp ứng yêu cầu dạy học tiếng DTTS. Đẩy mạnh việc bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý dạy học tiếng DTTS cho đội ngũ cán bộ quản lý có liên quan.

⁵ Công văn số 3550/BGDĐT-GDDT ngày 20/8/2021 về việc hướng dẫn dạy học môn học tiếng DTTS cho học sinh lớp 1 năm học 2021-2022; Công văn số 6076/BGDĐT-GDDT ngày 17/11/2022 về việc hướng dẫn dạy học môn học tiếng DTTS cho học sinh lớp 2 năm học 2022-2023; Công văn số 3897/BGDĐT-GDDT ngày 03/8/2023 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn dạy học môn học tiếng DTTS cho học sinh lớp 1, lớp 2, lớp 3 năm học 2023-2024.

⁶ Quyết định số 142/QĐ-TTg ngày 27/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình "Nâng cao chất lượng các môn học tiếng dân tộc thiểu số trong chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 - 2030".

- Thực hiện nghiêm túc chế độ chính sách đối với người dạy, người học tiếng DTTS theo quy định. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về dạy học tiếng DTTS, về chính sách của Đảng và Nhà nước đối với việc dạy học tiếng DTTS.

c) Dạy tiếng DTTS cho cán bộ, công chức, viên chức công tác ở vùng DTTS, MN

- Tiếp tục thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng tiếng DTTS đối với cán bộ, công chức công tác ở vùng DTTS, MN theo Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 29/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 09/2023/TT-BGDĐT ngày 18/4/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số.

- Thực hiện chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức DTTS học tiếng DTTS tại trung tâm giáo dục thường xuyên và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

5. Tăng cường tiếng Việt cho học sinh DTTS

Tiếp tục tổ chức thực hiện Quyết định số 5006/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ GDĐT ban hành Kế hoạch Giai đoạn 2 thực hiện Đề án Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng DTTS giai đoạn 2016-2020, định hướng đến 2025 trên cơ sở tiếng mẹ đẻ của trẻ; Công văn số 1949/BGDĐT-GDTH ngày 13/5/2021 về việc triển khai các hoạt động tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học vùng DTTS. Trong đó, chú trọng xây dựng môi trường giao tiếp, giao lưu tiếng Việt cho trẻ em, học sinh và bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, cộng tác viên hỗ trợ ngôn ngữ (người DTTS) về tăng cường tiếng Việt cho trẻ em, học sinh DTTS.

II. THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS, MN

1. Thực hiện các chế độ, chính sách hiện hành

- Tiếp tục thực hiện đúng, đủ kịp thời các chế độ, chính sách đối với người dạy, người học và các cơ sở giáo dục ở vùng DTTS, MN, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn⁷.

⁷ Chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021; chính sách đối với học sinh các trường PTDTNT và trường DBĐH theo Thông tư số 109/2009/TTLT-BTC-BGDĐT; chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở thôn, xã đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016; chính sách đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên DTTS rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017; chính sách học bổng khuyến khích học tập, học bổng chính sách cho học sinh, sinh viên theo quy định tại Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020; chính sách hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo và chính sách đối với giáo viên mầm non theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020; chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019;

- Thực hiện nghiêm túc chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên DTTS, đảm bảo cử tuyển đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch. Chú trọng công tác xây dựng kế hoạch cử tuyển của địa phương gắn với quy hoạch nguồn nhân lực của địa phương, của vùng để đảm bảo người đi học theo chế độ cử tuyển được xét tuyển và bố trí việc làm sau khi tốt nghiệp. Thực hiện tốt cơ chế phối hợp quản lý giữa địa phương với cơ sở đào tạo.

2. Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025

- Tập trung triển khai thực hiện Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây gọi chung là Quyết định số 1719/QĐ-TTg) theo sự phân công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Căn cứ Công văn số 1856/BGDĐT-GDDT ngày 26/4/2023 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 5 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg (thay thế Công văn số 2184/BGDĐT-GDDT ngày 26/5/2022 của Bộ GDĐT); Công văn số 1399/BGDĐT-GDDT ngày 30/03/2023 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 5 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg năm 2023; và các Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo⁸ và tình hình thực tế, các địa phương xây dựng kế hoạch giai đoạn và hằng năm để triển khai thực hiện Tiểu dự án 1 - Dự án 5 tại địa phương.

- Các địa phương cần tập trung rà soát các trường chưa có cơ sở vật chất hoặc có nhưng còn phải thuê, mượn hoặc xuống cấp; những điểm nóng, bức xúc, thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị bàn ghế, đồ dùng... cho học sinh nội trú, bán trú để xây dựng kế hoạch bố trí vốn đầu tư theo thứ tự ưu tiên, đúng đối tượng thụ hưởng. Triển khai đầu tư theo định hướng tập trung, cuốn chiếu, dứt điểm, ưu tiên địa bàn, cơ sở giáo dục khó khăn, không dãn trải nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu nhiệm vụ của Tiểu dự án 1 - Dự án 5 thuộc Quyết định số 1719/QĐ-TTg hiệu quả.

3. Thực hiện công tác tham mưu ban hành chính sách phát triển giáo dục dân tộc của địa phương

chế độ cử tuyển đối với học sinh, sinh viên DTTS theo Nghị định số 141/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; chế độ phụ cấp thâm niên nhà giáo quy định tại Nghị định số 77/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021.

⁸ Quyết định số 693/QĐ-BGDĐT ngày 14/3/2022 ban hành kế hoạch thực hiện các nội dung do Bộ GDĐT chủ trì thuộc Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn 1 từ năm 2021-2025; Quyết định số 2182/QĐ-BGDĐT ngày 09/8/2022 ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 531/QĐ-BGDĐT ngày 20/02/2023 của Bộ GDĐT ban hành Kế hoạch Triển khai thực hiện CTMTQG DTTS năm 2023 của Bộ GDĐT.

- Rà soát, đánh giá tác động của chính sách mới ban hành⁹, ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh đến người dạy, người học ở vùng DTTS, MN, vùng đặc biệt khó khăn đề tham mưu đề xuất với cấp có thẩm quyền của địa phương ban hành các chính sách hỗ trợ kịp thời.

- Tích cực tham gia đóng góp ý kiến cho các dự thảo văn bản quy định về chế độ, chính sách phát triển giáo dục dân tộc của Trung ương.

III. TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ GIÁO DỤC DÂN TỘC

1. Các sở GDĐT tiếp tục tham mưu với cấp uỷ, chính quyền địa phương về phát triển GDDT; thực hiện nghiêm túc phân cấp quản lý về GDDT theo các quy định hiện hành; đề xuất các cơ chế chính sách, giải pháp thiết thực, cụ thể nhằm nâng cao chất lượng GDDT.

2. Chú trọng hoàn thiện hệ thống quản lý, chỉ đạo GDDT ở các tỉnh/thành phố có đông học sinh DTTS, đảm bảo sở GDĐT phải có bộ phận đầu mối quản lý, chỉ đạo về giáo dục dân tộc của địa phương.

3. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về GDDT của địa phương theo các cấp học và theo từng DTTS. Thực hiện tốt công tác thông tin, báo cáo, đáp ứng có chất lượng, kịp thời các văn bản chỉ đạo về giáo dục dân tộc của Bộ GDĐT.

4. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục vùng DTTS, MN: về số lượng, chất lượng cơ cấu đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục; cơ sở vật chất thiết bị của cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông vùng DTTS, MN, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; việc dạy học tiếng Việt cho trẻ em, học sinh DTTS; dạy học tiếng dân tộc cho học sinh DTTS trong trường phổ thông và dạy tiếng DTTS cho cán bộ, công chức, viên chức ngành giáo dục công tác ở vùng DTTS, MN; dạy học ngoại ngữ và giáo dục văn hóa dân tộc trong các cơ sở giáo dục vùng DTTS, MN, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn.

5. Kiểm tra, đánh giá các trường PTDTNT, PTDTBT, các trường DBĐH, Trường Hữu Nghị 80, Trường Hữu Nghị T78, Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc về quản lý các hoạt động giáo dục, thực hiện quy chế dân chủ, trách nhiệm giải trình, đảm bảo sự tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định tại Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ.

IV. ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC DÂN TỘC

1. Tiếp tục tổ chức quán triệt, tuyên truyền về các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Bộ Giáo dục Đào tạo về đổi mới

⁹ Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025.

giáo dục và đào tạo, đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; các chủ trương, chính sách mới về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS, MN.

2. Chủ động, kịp thời xử lý các vấn đề truyền thông liên quan đến giáo dục dân tộc của các địa phương.

3. Phối hợp cung cấp thông tin với cơ quan báo chí địa phương về các nội dung mang tính thời sự, đột xuất nhằm định hướng tốt dư luận.

4. Tăng cường truyền thông rộng rãi những tấm gương người tốt, việc tốt, biểu dương những nỗ lực của cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh nhằm khích lệ, động viên, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong ngành giáo dục và xã hội.

5. Nâng cao nhận thức, kỹ năng, nghiệp vụ thông tin, tuyên truyền cho cán bộ quản lý, giáo viên về những kết quả đã đạt được để tạo được sự đồng thuận, ủng hộ của xã hội về các chính sách, chủ trương đổi mới GDDT.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giám đốc các sở GDĐT căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương, hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 đối với giáo dục dân tộc cụ thể, phù hợp.

2. Hiệu trưởng các trường dự bị đại học, Trường Hữu Nghị 80, Trường Hữu Nghị T78, Trường Phổ thông Vùng cao Việt Bắc xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 phù hợp chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tiễn của nhà trường.

3. Các đơn vị chấp hành chế độ báo cáo, thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định tại Kế hoạch thời gian năm học và các văn bản hướng dẫn sơ kết, tổng kết nhiệm vụ năm học 2023-2024 đối với giáo dục dân tộc của Bộ GDĐT.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị báo cáo về Bộ GDĐT (qua Vụ Giáo dục dân tộc) để kịp thời hướng dẫn, chỉ đạo xử lý.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để phối hợp chỉ đạo);
- Ủy ban Dân tộc (để phối hợp chỉ đạo);
- UBND các tỉnh, thành phố (để phối hợp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ GDĐT;
- Website Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ GDDT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Ngô Thị Minh

The first part of the report is devoted to a description of the work done during the year. It is divided into two main sections, the first of which deals with the work done in the laboratory and the second with the work done in the field.

The second part of the report is devoted to a description of the results of the work done during the year. It is divided into two main sections, the first of which deals with the results of the work done in the laboratory and the second with the results of the work done in the field.

The third part of the report is devoted to a description of the conclusions drawn from the work done during the year. It is divided into two main sections, the first of which deals with the conclusions drawn from the work done in the laboratory and the second with the conclusions drawn from the work done in the field.

The fourth part of the report is devoted to a description of the suggestions for further work. It is divided into two main sections, the first of which deals with the suggestions for further work in the laboratory and the second with the suggestions for further work in the field.

The fifth part of the report is devoted to a description of the summary of the work done during the year. It is divided into two main sections, the first of which deals with the summary of the work done in the laboratory and the second with the summary of the work done in the field.